

Thanh Hóa, ngày 08 tháng 5 năm 2025

Số: 96/2025/CNTH-TB

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẦU GIÁ

Quyền sử dụng đất Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn thôn Hồng Kỳ, xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 14/MBQH-UBND ngày 29/3/2021

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đầu giá tài sản:

- Công ty Đầu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Điện Biên, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đầu giá, đơn vị tổ chức thực hiện việc đầu giá:

- UBND huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Phố Đạo Sơn, thị trấn Bút Sơn, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

3. Thông tin tài sản đầu giá:

- Khu đất đầu giá bao gồm 69 lô đất trên địa bàn xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 14/MBQH-UBND ngày 29/3/2021.

- Thông tin cụ thể của các lô đất như sau:

3.1. Vị trí, diện tích:

* Vị trí: thôn Hồng Kỳ, xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 14/MBQH-UBND ngày 29/3/2021.

* Tổng diện tích đất đưa ra đầu giá: 9.962,63 m², được chia thành 69 lô đất.

- Diện tích từng lô đất: Có phụ lục chi tiết kèm theo

3.2. Giá khởi điểm và hiện trạng của các lô đất đầu giá:

* Giá khởi điểm của từng lô đất: Có phụ lục chi tiết kèm theo.

* Hiện trạng:

- San nền: Nền hiện trạng mặt bằng quy hoạch.
- Đường quy hoạch: Đã có đường theo quy hoạch.
- Hệ thống thoát nước: Đã có theo quy hoạch.
- Hệ thống điện chiếu sáng và vỉa hè lát đá: Đã có theo quy hoạch.

* Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đầu giá tại thời điểm bán đầu giá:

Hạ tầng kỹ thuật phải được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo mặt bằng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: lâu dài.

5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đầu giá

5.1. Tiền mua hồ sơ: Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/01 hồ sơ (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại).

5.2. Tiền đặt trước: Từ 120.000.000 đồng đến 374.287.200 đồng/01 lô đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá một vòng, bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp vào thùng phiếu tại Phiên đấu giá.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trường hợp lô đất tổ chức đấu giá có từ hai người tham gia đấu giá trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người đăng ký tham gia đấu giá yêu cầu đấu giá tiếp) và áp dụng bước giá 1% cộng với mức giá trả cao nhất của vòng đấu trước để tổ chức đấu giá.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024; có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật đất đai năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

7.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (có dấu đỏ), (trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá);

- Bản sao CC/CCCD của người tham gia đấu giá (Còn thời hạn).

- Bản sao CC/CCCD của cả vợ và chồng (trừ trường hợp có nhu cầu đứng tên tài sản riêng)

- Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật (nếu có ủy quyền).

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lượng lô đất đăng ký.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức Phiên đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (Trong giờ hành chính):

+ Tại trụ sở UBND xã Hoằng Phú, huyện Hoằng Hóa: Từ 07h00' ngày 09/5/2025 đến 17h00' ngày 21/5/2025.

+ Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa: Từ 07h00' ngày 09/5/2025 đến 17h00' ngày 23/5/2025.

*** Lưu ý: Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ: 17h00' ngày 23/5/2025**

- **Xem tài sản (Trong giờ hành chính):** Liên tục trong 03 ngày: từ 07h00' ngày 14/5/2025 đến 17h00' ngày 16/5/2025 tại thực địa khu đất thôn Hồng Kỳ, xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 14/MBQH-UBND ngày 29/3/2021.

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH, Quy chế và thông báo, Quyết định được niêm yết tại UBND huyện Hoàng Hóa; UBND xã Hoàng Phụ; trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- **Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:**

Thời gian: Từ 07h00' ngày 09/5/2025 đến 17h00' ngày 23/5/2025

Hình thức nộp: Người đăng ký tham gia đấu giá nộp bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: **Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa**

+ Số tài khoản **106633995555**

+ Tại Ngân hàng TMCP Lọc phát Việt Nam (LPBank) Chi nhánh Thanh Hóa

+ Nội dung nộp tiền đặt trước: "*Họ tên người tham gia đấu giá, Số CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá QSDĐ xã Hoàng Phụ (Số lượng lô đất)*".

+ Lưu ý: Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ trên thông tin số dư tài khoản hiển thị "**Báo có**" vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa tính đến 17h00' ngày 23/5/2025. Trường hợp khoản tiền đặt trước về tài khoản của Công ty sau 17h00' ngày 23/5/2025 sẽ không hợp lệ.



- **Tổ chức Phiên đấu giá:** Vào hồi 07h30 phút ngày 28/5/2025 – Thứ 4 tại Hội trường UBND xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- **Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:**

Số điện thoại: 0237.3511969 (Liên hệ trong giờ hành chính); Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

- Thông báo này thay thế cho Thông báo số 92/2025/CNTH-TB ngày 08/5/2025.

- Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Cổng ĐG tài sản quốc gia – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo Thanh Hóa (đăng Q/C);
- UBND huyện Hoàng Hóa (N/Y);
- UBND xã Hoàng Phụ (N/Y);
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.

TRƯỞNG CHI NHÁNH



Kiều Thị Lan



Thanh Hóa, ngày 08 tháng 5 năm 2025

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư nông thôn Hồng Kỳ, xã Hoàng Phụ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa thuộc MBQH số 14/MBQH-UBND ngày 29/3/2021

(Kèm theo Thông báo số: 96/2025/CNTH-TB ngày 08/5/2025

của Công ty Đầu giả Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Hệ số	Đơn giá (đồng/m2)	Giá khởi điểm để đấu giá (đồng/lô đất)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước (đồng/lô đất)
MBQH số 14/MBQH-UBND ngày 29/3/2021							
1	LK2:01	222,79	1,2	8.400.000	1.871.436.000	200.000	374.287.200
2	LK2:02	139,96	1,0	7.000.000	979.720.000	100.000	195.944.000
3	LK2:03	137,45	1,0	7.000.000	962.150.000	100.000	192.430.000
4	LK2:04	124,64	1,0	7.000.000	872.480.000	100.000	174.496.000
5	LK2:05	122,50	1,0	7.000.000	857.500.000	100.000	171.500.000
6	LK2:06	120,36	1,0	7.000.000	842.520.000	100.000	168.504.000
7	LK2:07	118,22	1,0	7.000.000	827.540.000	100.000	165.508.000
8	LK2:08	116,08	1,0	7.000.000	812.560.000	100.000	162.512.000
9	LK2:09	113,94	1,0	7.000.000	797.580.000	100.000	159.516.000
10	LK2:10	111,80	1,0	7.000.000	782.600.000	100.000	156.520.000
11	LK2:11	109,66	1,0	7.000.000	767.620.000	100.000	153.524.000
12	LK2:12	107,52	1,0	7.000.000	752.640.000	100.000	150.528.000
13	LK2:13	105,38	1,0	7.000.000	737.660.000	100.000	147.532.000
14	LK2:14	103,24	1,0	7.000.000	722.680.000	100.000	144.536.000
15	LK2:15	115,74	1,2	8.400.000	972.216.000	100.000	194.443.200
16	LK2:16	123,50	1,0	5.000.000	617.500.000	100.000	123.500.000
17	LK2:17	123,50	1,0	5.000.000	617.500.000	100.000	123.500.000
18	LK2:18	131,00	1,2	6.000.000	786.000.000	100.000	157.200.000
19	LK2:19	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
20	LK2:20	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
21	LK2:21	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
22	LK2:22	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
23	LK2:23	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
24	LK2:24	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
25	LK2:25	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000

26	LK2:26	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
27	LK2:27	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
28	LK2:28	123,36	1,2	6.000.000	740.160.000	100.000	148.032.000
29	LK2:29	126,37	1,0	5.000.000	631.850.000	100.000	126.370.000
30	LK2:30	136,01	1,0	5.000.000	680.050.000	100.000	136.010.000
31	LK3:01	145,08	1,2	6.000.000	870.480.000	100.000	174.096.000
32	LK3:02	142,26	1,0	5.000.000	711.300.000	100.000	142.260.000
33	LK3:03	142,42	1,0	5.000.000	712.100.000	100.000	142.420.000
34	LK3:04	161,24	1,0	5.000.000	806.200.000	100.000	161.240.000
35	LK3:05	151,60	1,0	5.000.000	758.000.000	100.000	151.600.000
36	LK3:06	150,53	1,2	6.000.000	903.180.000	100.000	180.636.000
37	LK3:07	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
38	LK3:08	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
39	LK3:09	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
40	LK3:10	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
41	LK3:11	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
42	LK3:12	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
43	LK3:13	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
44	LK3:14	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
45	LK3:15	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
46	LK3:16	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
47	LK3:17	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
48	LK3:18	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
49	LK3:19	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
50	LK4:01	135,24	1,2	6.000.000	811.440.000	100.000	162.288.000
51	LK4:02	127,44	1,0	5.000.000	637.200.000	100.000	127.440.000
52	LK4:03	127,44	1,0	5.000.000	637.200.000	100.000	127.440.000
53	LK4:04	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
54	LK4:05	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
55	LK4:06	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
56	LK4:07	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
57	LK4:08	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
58	LK4:09	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
59	LK4:10	120,00	1,0	5.000.000	600.000.000	100.000	120.000.000
60	BT2:01	268,00	1,2	6.000.000	1.608.000.000	200.000	321.600.000
61	BT2:02	260,00	1,0	5.000.000	1.300.000.000	200.000	260.000.000
62	BT2:03	268,00	1,2	6.000.000	1.608.000.000	200.000	321.600.000
63	BT3:01	270,12	1,2	6.000.000	1.620.720.000	200.000	324.144.000
64	BT3:02	240,00	1,0	5.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000
65	BT3:03	240,00	1,0	5.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000
66	BT3:04	240,00	1,0	5.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000
67	BT3:05	240,00	1,0	5.000.000	1.200.000.000	200.000	240.000.000
68	BT3:06	270,12	1,2	6.000.000	1.620.720.000	200.000	324.144.000
69	BT3:07	270,12	1,2	6.000.000	1.620.720.000	200.000	324.144.000
Tổng 69 lô đất		9.962,63			56.057.222.000		11.211.444.400

